

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110001	LA KHẢ ÁI	11A2	
2	110002	BÙI NGŨ KIM ÁI	11A5	
3	110003	ĐÀO MAI AN	11A1	
4	110004	NGÔ HUỖNH MINH AN	11A1	
5	110006	NGUYỄN VÕ THÀNH AN	11A2	
6	110007	NGUYỄN LỢI THẢO AN	11A3	
7	110008	PHẠM AN AN	11A5	
8	110009	PHẠM NGUYỄN THỤY AN	11A6	
9	110010	ĐẶNG THÁI AN	11A8	
10	110011	BÙI NGUYỄN MINH ANH	11A1	
11	110012	CHÂU HÀ TRÚC ANH	11A1	
12	110013	NGUYỄN THÁI HÀ ANH	11A1	
13	110014	PHẠM HUỖNH PHƯƠNG ANH	11A1	
14	110015	VÕ TRÂM ANH	11A1	
15	110016	VŨ ĐOÀN LAN ANH	11A1	
16	110020	LÊ NGUYỄN HUỖNH ANH	11A2	
17	110021	NGUYỄN PHAN ANH	11A2	
18	110022	PHẠM TUẤN ANH	11A2	
19	110023	TRÀ TUẤN ANH	11A3	
20	110024	TRẦN THỊ VÂN ANH	11A3	
21	110025	KIỀU ĐỨC ANH	11A4	
22	110026	LÊ NHẬT ANH	11A4	
23	110027	TRẦN THỊ LAN ANH	11A4	
24	110028	KIỀU MINH ANH	11A5	
25	110029	ĐẶNG HOÀNG ANH	11A6	
26	110030	NGUYỄN TRẦN TRÂM ANH	11A6	
27	110031	ĐẶNG THỊ HOÀNG ANH	11A7	
28	110032	NGUYỄN NGỌC VÂN ANH	11A7	
29	110033	NGÔ NGỌC ANH	11A8	
30	110034	NGUYỄN KHÁNH ANH	11A8	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110035	PHẠM NAM ANH	11A8	
2	110036	PHAN NGUYỄN HOÀNG ANH	11A8	
3	110041	LÊ HUỖNH NGỌC ÁNH	11A7	
4	110042	TRẦN NGỌC GIA BẢO	11A4	
5	110043	NGUYỄN ĐÌNH BẢO	11A6	
6	110044	LIỄU PHÚC BẢO	11A7	
7	110045	VÕ CHÂU GIA BẢO	11A7	
8	110046	NGÔ GIA BẢO	11A8	
9	110047	VÕ DIỄM BÌNH	11A1	
10	110049	NGUYỄN BẢO CHÂU	11A5	
11	110051	ĐÀO HẢI ĐĂNG	11A1	
12	110052	TRƯƠNG HẢI ĐĂNG	11A3	
13	110053	ĐẶNG MINH ĐẠT	11A4	
14	110054	NGUYỄN PHÁT ĐẠT	11A5	
15	110055	TRẦN VĂN ĐẠT	11A5	
16	110056	NGUYỄN PHƯƠNG ĐẠT	11A7	
17	110057	LÊ THÀNH ĐẠT	11A8	
18	110058	NGUYỄN HOÀNG KIỀU DIỄM	11A6	
19	110059	NGUYỄN HUỖNH NGỌC DIỆP	11A8	
20	110060	LÂM ĐÌNH ĐÌNH	11A2	
21	110061	HỨA ANH ĐÔ	11A8	
22	110062	MAI TIẾN ĐOÀN	11A1	
23	110063	LA NGUYỄN KHẢ DOANH	11A5	
24	110064	NGUYỄN AN ĐÔNG	11A2	
25	110065	TRẦN MINH ĐỨC	11A6	
26	110066	LÊ NGỌC ÁNH DƯƠNG	11A3	
27	110067	LÊ ÁNH DƯƠNG	11A5	
28	110068	NGUYỄN THÁI DƯƠNG	11A7	
29	110069	TRẦN THỤY ÁNH DƯƠNG	11A7	
30	110070	PHẠM PHƯỚC DUY	11A1	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110072	NGUYỄN NHỰT DUY	11A5	
2	110073	NGUYỄN QUỐC DUY	11A6	
3	110075	TẤT TRẦN KHÁNH DUYÊN	11A6	
4	110076	PHẠM NGUYỄN HOÀNG GIA	11A7	
5	110078	PHAN HỒNG HÀ	11A4	
6	110079	VŨ THỊ THU HÀ	11A4	
7	110080	NGUYỄN PHẠM KHÁNH HÀ	11A5	
8	110081	NGUYỄN KHÁNH HÀ	11A7	
9	110082	LÊ TRƯỜNG HẢI	11A7	
10	110083	LIÊU GIA HÂN	11A1	
11	110085	LÊ NGỌC GIA HÂN	11A2	
12	110086	DANH NGỌC KHÁNH HÂN	11A3	
13	110087	NGUYỄN LÊ NGỌC HÂN	11A3	
14	110088	TRƯƠNG NGỌC HÂN	11A4	
15	110089	TRIỆU GIA HÂN	11A5	
16	110090	HUỖNH GIA HÂN	11A6	
17	110091	NGUYỄN DANH GIA HÂN	11A6	
18	110092	GIANG NGUYỄN GIA HÂN	11A8	
19	110094	LÊ NGUYỄN THANH HẰNG	11A3	
20	110096	LÂM NHẬT HÀO	11A2	
21	110097	LÊ CÔNG HÀO	11A6	
22	110100	NGUYỄN HỒ ĐỨC HIẾU	11A4	
23	110101	VƯƠNG BÁCH HOA	11A3	
24	110102	NGUYỄN QUÁCH HUY HOÀNG	11A2	
25	110103	NGUYỄN TÚC HUY HOÀNG	11A8	
26	110105	NGUYỄN KHÁNH HƯNG	11A1	
27	110106	HUỖNH PHƯỚC HƯNG	11A4	
28	110107	LÊ HUỖNH CHẤN HƯNG	11A5	
29	110108	HÀ XUÂN HƯƠNG	11A2	
30	110109	HUỖNH VIỆT HƯƠNG	11A3	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110111	NGUYỄN HOÀNG HUY	11A4	
2	110112	NGUYỄN VIỆT HUY	11A4	
3	110113	TRẦN GIA HUY	11A5	
4	110114	NGUYỄN LÊ MINH HUY	11A7	
5	110115	TRẦN QUANG HUY	11A8	
6	110118	HUỖNH QUANG KHẢI	11A2	
7	110119	PHAN ĐÌNH KHẢI	11A3	
8	110121	LÊ HOÀNG KHANG	11A1	
9	110122	DƯƠNG GIA KHANG	11A2	
10	110123	HUỖNH PHÚC KHANG	11A2	
11	110124	PHẠM PHÚC AN KHANG	11A2	
12	110125	VŨ ĐỨC HOÀNG KHANG	11A4	
13	110126	HUỖNH HỮU THỊNH KHANG	11A6	
14	110127	TRẦN MINH KHANG	11A6	
15	110128	LÊ HOÀNG KHANG	11A7	
16	110129	TRẦN QUÍ KHANG	11A7	
17	110130	HÀ LÊ AN KHÁNH	11A6	
18	110131	PHAN LÝ NAM KHÁNH	11A7	
19	110132	ĐÀM NGUYỄN QUỐC KHÁNH	11A8	
20	110135	NGUYỄN HẠO KHIÊM	11A6	
21	110137	CHÂU ĐĂNG KHOA	11A4	
22	110138	LÊ ĐĂNG KHOA	11A5	
23	110139	DIỆP ANH KHOA	11A8	
24	110140	ĐẶNG HOÀNG KHÔI	11A3	
25	110141	NGUYỄN MINH KHÔI	11A6	
26	110142	PHAN ANH KHÔI	11A6	
27	110143	NGÔ MAI GIA KHÔI	11A7	
28	110144	ỨNG DOÃN MINH KHÔI	11A7	
29	110146	ĐỖ TRẦN TRUNG KIÊN	11A3	
30	110147	TRỊNH TRUNG KIÊN	11A3	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110148	NGUYỄN TRUNG KIÊN	11A7	
2	110149	PHAN TUẤN KIẾT	11A3	
3	110150	NGUYỄN NGỌC THIÊN KIM	11A1	
4	110151	TÔ HOÀNG KIM	11A4	
5	110152	NGUYỄN ANH KỶ	11A8	
6	110153	CHÂU TRÚC LAM	11A8	
7	110155	DƯ TUỆ LÂM	11A1	
8	110156	LÝ THÙY LÂM	11A1	
9	110157	TRẦN NGỌC BẢO LAN	11A2	
10	110159	HUỲNH NGUYỄN NHẬT LINH	11A1	
11	110160	NGUYỄN ĐÔNG GIA LINH	11A1	
12	110163	ĐỖ HOÀNG KHÁNH LINH	11A4	
13	110164	HỒ XUÂN LỘC	11A4	
14	110165	NGUYỄN TÂN LỘC	11A8	
15	110167	NGUYỄN VÕ HẢI LONG	11A3	
16	110168	HỒ HOÀNG LONG	11A4	
17	110169	NGUYỄN HOÀNG LONG	11A4	
18	110170	NGUYỄN THANH THIÊN LONG	11A5	
19	110172	NGUYỄN NGỌC ÁI LY	11A4	
20	110173	NGUYỄN VŨ CÁT LY	11A5	
21	110174	NGUYỄN XUÂN MAI	11A3	
22	110175	LAI TRẦN XUÂN MAI	11A4	
23	110176	TRƯƠNG NGỌC MAI	11A8	
24	110177	NGÔ KIM MẪN	11A7	
25	110179	THÁI TRIẾT MINH	11A6	
26	110180	LÊ VĂN MINH	11A7	
27	110181	TÔ HOÀNG MINH	11A7	
28	110182	VŨ NHẬT MINH	11A7	
29	110183	NGUYỄN THỊ KIỀU MY	11A1	
30	110185	DƯƠNG KHÁNH NAM	11A4	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110186	HOÀNG NHẬT NAM	11A5	
2	110187	NGUYỄN GIANG NAM	11A7	
3	110188	NGUYỄN LÊ HẢI NAM	11A8	
4	110189	TRƯƠNG NHƯ NGÀ	11A2	
5	110192	LÊ THỊ HỒNG NGÂN	11A1	
6	110194	LÊ THỊ KIM NGÂN	11A5	
7	110195	NGUYỄN THỊ THẢO NGÂN	11A5	
8	110196	NGUYỄN HỒ THANH NGÂN	11A6	
9	110197	LÊ HOÀNG NGÂN	11A7	
10	110198	NGUYỄN VÕ THUẬN NGÂN	11A7	
11	110199	CAO THẢO NGÂN	11A8	
12	110201	LÝ ÁI NGHI	11A3	
13	110202	NGUYỄN PHÚC NHÃ NGHI	11A7	
14	110204	ĐOÀN HOÀI NGHĨA	11A4	
15	110205	NGÔ TẤN NGOAN	11A1	
16	110207	DƯ THANH NGỌC	11A1	
17	110208	NGUYỄN HUỲNH NHƯ NGỌC	11A1	
18	110211	LÊ BẢO NGỌC	11A2	
19	110212	NGUYỄN VÔ NGỌC	11A2	
20	110213	LÊ KHÁNH NGỌC	11A3	
21	110214	NGUYỄN NHƯ MỸ NGỌC	11A3	
22	110215	PHẠM NGUYỄN YẾN NGỌC	11A5	
23	110216	BÙI BẢO NGỌC	11A6	
24	110217	VÕ MINH NGỌC	11A6	
25	110218	CAO NGUYỄN BẢO NGỌC	11A8	
26	110219	DU HỒNG NGỌC	11A8	
27	110220	LÂM MINH NGỌC	11A8	
28	110224	NGUYỄN QUỐC NGUYỄN	11A2	
29	110225	VĨNH BẢO THANH NGUYỄN	11A5	
30	110227	LIÊU GIA NGUYỄN	11A5	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110228	LÂM NHƯ Ý NGUYỄN	11A5	
2	110229	NGUYỄN TRỌNG NHÂN	11A3	
3	110230	HỒ THIÊN NHÂN	11A4	
4	110231	HUỖNH LA ĐẠI NHÂN	11A6	
5	110232	ĐỖ THIÊN NHÂN	11A7	
6	110233	NGUYỄN THIÊN NHÂN	11A7	
7	110234	PHAN TRUNG NHÂN	11A7	
8	110237	CAO MINH NHẬT	11A4	
9	110238	DƯƠNG MINH NHẬT	11A6	
10	110239	ĐẶNG HOÀNG XUÂN NHI	11A1	
11	110240	NGUYỄN NGỌC NHI	11A2	
12	110241	TẶNG KIM NHI	11A2	
13	110242	VÕ TRẦN THIÊN NHI	11A3	
14	110243	THÁI NGUYỄN LAN NHI	11A5	
15	110245	NGUYỄN THÙY BẢO NHƯ	11A5	
16	110246	HUỖNH TRÚC NHƯ	11A8	
17	110249	NGUYỄN TRUNG NHỰT	11A7	
18	110250	SỬ PHƯƠNG OANH	11A3	
19	110252	ĐOÀN MINH PHÁT	11A3	
20	110253	TRƯƠNG TẤN PHÁT	11A4	
21	110254	NGUYỄN GIA PHÁT	11A7	
22	110255	NGUYỄN PHẠM TẤN PHÁT	11A8	
23	110259	NGUYỄN TRẦN DUY PHONG	11A5	
24	110260	LÝ TẠ DUY PHONG	11A8	
25	110261	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	11A1	
26	110262	LÝ HUỖNH PHÚC	11A3	
27	110263	NGUYỄN ĐỖ QUANG PHÚC	11A3	
28	110264	LÊ MINH PHÚC	11A4	
29	110265	NGUYỄN BẢO GIA PHÚC	11A5	
30	110266	NGUYỄN PHẠM HOÀNG PHÚC	11A5	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110267	PHAN THỊ NHƯ PHÚC	11A5	
2	110268	NGUYỄN LÂM SONG PHÚC	11A6	
3	110269	NGUYỄN LÊ GIA PHÚC	11A6	
4	110270	NGUYỄN TRẦN GIA PHÚC	11A6	
5	110271	TRẦN LÊ ĐIỂM PHÚC	11A6	
6	110272	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	11A7	
7	110274	TRƯƠNG PHI THÚY PHỤNG	11A3	
8	110275	TẠ TẤN PHƯỚC	11A7	
9	110277	ĐẶNG MAI PHƯƠNG	11A3	
10	110278	TRẦN NGUYỄN YẾN PHƯƠNG	11A3	
11	110279	VÕ MINH PHƯƠNG	11A6	
12	110280	NGUYỄN MINH QUÂN	11A1	
13	110282	NGUYỄN ANH QUÂN	11A2	
14	110283	TRẦN MINH QUÂN	11A3	
15	110284	THÂN HOÀNG MINH QUÂN	11A6	
16	110285	NGUYỄN TIẾN QUANG	11A3	
17	110286	PHAN QUỐC QUY	11A5	
18	110288	CHU LÊ HOÀNG QUYÊN	11A1	
19	110289	LƯƠNG VÕ HOÀNG QUYÊN	11A2	
20	110290	NGUYỄN THỊ MỸ QUYÊN	11A2	
21	110291	VĂN NGỌC BẢO QUYÊN	11A2	
22	110292	HUỖNH NHÃ QUYÊN	11A7	
23	110293	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	11A1	
24	110294	TRẦN NHƯ QUỲNH	11A3	
25	110295	LÊ NGỌC TRÚC QUỲNH	11A6	
26	110296	HOÀNG MAI ĐIỂM QUỲNH	11A7	
27	110297	NGUYỄN ĐIỂM QUỲNH	11A8	
28	110299	BÙI HOÀNG SANG	11A2	
29	110300	HUỖNH MINH SANG	11A4	
30	110301	HUỖNH VI SON	11A8	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110302	LIU HAI SON	11A2	
2	110305	NGUYEN THANH TAI	11A4	
3	110307	ĐẬU PHƯƠNG TÂM	11A5	
4	110311	LÂM TRẦN PHÚC TẤN	11A7	
5	110312	NGUYEN QUOC THANG	11A3	
6	110313	TRẦN QUYẾT THẮNG	11A4	
7	110316	PHẠM VĂN THANH	11A8	
8	110319	BUI TRẦN THÀNH	11A3	
9	110320	TRƯƠNG PHÚ THÀNH	11A4	
10	110321	BUI PHÚ THÀNH	11A6	
11	110322	NGUYEN VU THIEN THANH	11A6	
12	110323	NGUYEN QUANG THANH	11A7	
13	110324	NGUYEN THIEN THANH	11A7	
14	110325	NGUYEN DA THAO	11A2	
15	110326	LÊ NGUYEN PHUONG THAO	11A4	
16	110327	NGUYEN THI XUAN THAO	11A4	
17	110328	TRUONG LE PHUC THAO	11A4	
18	110329	LÊ PHẠM NGỌC THẢO	11A6	
19	110331	NGUYEN MINH THIEN	11A3	
20	110332	PHAN HONG THINH	11A1	
21	110334	NGUYEN THAI THINH	11A2	
22	110335	NGUYEN HOANG THINH	11A5	
23	110336	NGUYEN VO PHU THINH	11A8	
24	110337	TRẦN ĐỨC THỊNH	11A8	
25	110340	NGUYEN HOANG BAO THO	11A2	
26	110341	NGUYEN NGOC BINH THO	11A3	
27	110342	ĐẶNG NGỌC AN THƠ	11A5	
28	110343	NGUYEN THI NHAT THO	11A8	
29	110345	NGUYEN LE ANH THU'	11A2	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110346	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	11A2	
2	110347	TRƯƠNG NGUYỄN ANH THƯ	11A3	
3	110348	LÊ HOÀNG MINH THƯ	11A4	
4	110349	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	11A4	
5	110350	NGUYỄN TRANG THƯ	11A6	
6	110351	TRẦN MINH THƯ	11A6	
7	110352	NGÔ MINH THƯ	11A7	
8	110353	LÊ NGỌC MINH THƯ	11A8	
9	110355	LÊ MAI THANH THÚY	11A5	
10	110356	BÙI THANH THÙY	11A1	
11	110357	TRẦN NGỌC MINH THÙY	11A2	
12	110359	NGÔ NGUYỄN BẢO THY	11A2	
13	110360	NGUYỄN PHẠM BẢO THY	11A2	
14	110361	NGUYỄN QUỲNH THY	11A3	
15	110362	TRẦN BẢO THY	11A7	
16	110363	TRẦN NGUYỄN QUỲNH THY	11A8	
17	110364	NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN	11A1	
18	110365	NGUYỄN MINH NHƯ TIÊN	11A6	
19	110366	TRẦN THỊ CẨM TIÊN	11A8	
20	110367	NGUYỄN MINH TIẾN	11A1	
21	110368	VÕ MINH TIẾN	11A2	
22	110369	TRƯƠNG CHÍ TIẾN	11A3	
23	110370	TẶNG ANH TIẾN	11A6	
24	110371	NGUYỄN MAI TIẾN	11A7	
25	110372	NGUYỄN HỮU TIẾN	11A8	
26	110373	NGUYỄN DƯƠNG TẤN TIẾN	11A5	
27	110375	VÕ THÁI TRUNG TÍN	11A6	
28	110379	TRẦN NGỌC QUỲNH TRÂM	11A2	
29	110380	NGUYỄN HÀ TRÂM	11A4	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110381	LÝ BẢO TRÂM	11A5	
2	110382	NGUYỄN NGỌC TRÂM	11A6	
3	110383	NGUYỄN LÊ PHƯƠNG TRÂM	11A7	
4	110384	VÕ THỊ KIỀU TRÂN	11A3	
5	110385	NGUYỄN NGỌC NHẢ TRÂN	11A5	
6	110386	TRẦN THÁI TRÂN	11A6	
7	110387	LÊ BẢO TRÂN	11A8	
8	110388	NGUYỄN THỊ THUYẾT TRANG	11A1	
9	110389	TỔNG LÊ PHƯƠNG TRANG	11A8	
10	110392	TRANG QUỐC TRÍ	11A4	
11	110393	NGUYỄN VŨ GIA TRÍ	11A5	
12	110394	LÊ MINH TRIẾT	11A6	
13	110395	TRẦN NGHĨA TRỌNG	11A7	
14	110396	NGUYỄN BÙI HOÀNG TRÚC	11A1	
15	110397	NGUYỄN PHAN HUỲNH NGỌC TRÚC	11A3	
16	110398	NGUYỄN QUỐC TRUNG	11A4	
17	110399	PHẠM NHẬT TRUNG	11A8	
18	110400	TRẦN CÔNG TRƯỜNG	11A6	
19	110401	NGUYỄN NAM TUẤN	11A4	
20	110402	NGUYỄN VĂN THIÊN TUẤN	11A8	
21	110403	TRỊNH HOÀNG TÙNG	11A4	
22	110404	VÕ TƯỚNG	11A5	
23	110405	TRẦN CÁT TƯỜNG	11A7	
24	110408	PHẠM LÊ ĐAN TUYỀN	11A6	
25	110409	LƯƠNG NGỌC TUYỀN	11A2	
26	110410	NGUYỄN THANH TUYỀN	11A6	
27	110411	PHAN HIẾU ƯỚC	11A5	
28	110414	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG UYÊN	11A2	
29	110415	NGUYỄN ĐỨC MINH UYÊN	11A4	

STT	SBD	Họ và tên thí sinh	Lớp	Ghi chú
1	110416	PHẠM HOÀNG PHƯƠNG UYÊN	11A6	
2	110417	TRƯƠNG THANH VÂN	11A3	
3	110418	TRẦN THỊ KIỀU VI	11A3	
4	110419	NGUYỄN BÙI PHÚC VINH	11A8	
5	110420	NGUYỄN NGÔ HOÀNG UY VŨ	11A7	
6	110423	LÂM NGUYỄN TƯỜNG VY	11A1	
7	110424	LƯ KHẢ VY	11A1	
8	110425	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG VY	11A1	
9	110426	NGUYỄN LAN VY	11A1	
10	110427	NGUYỄN TƯỜNG VY	11A1	
11	110428	PHAN NGUYỄN THẢO VY	11A1	
12	110432	LÊ HOÀNG XUÂN VY	11A2	
13	110433	NGUYỄN HỒNG VY	11A2	
14	110434	LÊ BÙI KHÁNH VY	11A3	
15	110435	TRẦN VÕ ĐAN VY	11A4	
16	110436	VŨ NGỌC MINH VY	11A4	
17	110437	ĐẶNG NGUYỄN TƯỜNG VY	11A5	
18	110438	NGUYỄN NHẬT VY	11A5	
19	110439	PHAN THANH VY	11A8	
20	110440	TRƯƠNG NGỌC LAM VY	11A8	
21	110444	TRẦN QUỲNH NHƯ Ý	11A3	
22	110445	TRẦN NHƯ Ý	11A4	
23	110446	NGUYỄN TRẦN NHƯ Ý	11A8	
24	110449	LÂM BÌNH YÊN	11A5	
25	110450	NGUYỄN NGÔ XUÂN YÊN	11A5	
26	110451	NGUYỄN NGỌC HẢI YÊN	11A1	
27	110452	NGUYỄN PHI YẾN	11A4	
28	110453	NGUYỄN NGỌC HẢI YẾN	11A5	
29	110454	NGUYỄN NGỌC MINH YẾN	11A6	